

Số: /TB-UBND

Linh Xuân, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trên các lĩnh vực thuộc phạm vi giải quyết của các Sở, ngành Thành phố và Bộ Công an

Căn cứ các Quyết định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trên các lĩnh vực thuộc phạm vi giải quyết của các Sở, ngành và Bộ Công an;

Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân thông báo về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường, cụ thể:

1. Niêm yết công khai Quyết định, danh mục và nội dung thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân (theo Phụ lục đính kèm).

2. Hình thức:

- Niêm yết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân, địa chỉ: 1262 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Niêm yết mã QR tra cứu nội dung thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân.

- Niêm yết trực tuyến trên Trang thông tin điện tử phường Linh Xuân tại Chuyên mục Niêm yết thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công.

3. Thời gian kết thúc niêm yết: Đến khi có thay đổi, cập nhật theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân thông báo đến cán bộ, công chức, nhân viên trực thuộc, Trưởng các khu phố, cá nhân, tổ chức có liên quan về việc niêm yết công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND - UBND phường;
- UB.MTTQ.VN phường;
- Cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Công an, Quân sự, Trạm Y tế trường;
- 18 khu phố;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thủy Trào

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LINH XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ BỊ BÃI BỎ TRÊN CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA CÁC SỞ, NGÀNH THÀNH PHỐ VÀ BỘ CÔNG AN

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký (Mã TTHC 2.002226)	Tại thời điểm nhận hồ sơ/tại thời điểm xử lý hồ sơ.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân, địa chỉ: 1262 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân	5082/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không	- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; - Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15; - Nghị định số 294/2026/NĐCP ngày 23/7/2026 của Chính phủ về tổ hợp tác; - Quyết định số 1994/QĐBTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký (Mã TTHC 2.002228)	Tại thời điểm nhận hồ sơ/tại thời điểm xử lý hồ sơ.				Không	
3	Đăng ký thành	03 (ba) ngày			5083/QĐ-	- Mức thu lệ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lập hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.001612)	làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.			UBND ngày 12/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	phí trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đồng.	ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 296/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 2.000720)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.				- Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần/đăng ký. - Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đồng.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;
5	Đăng ký tạm ngừng kinh	01 (một) ngày làm việc kể từ				Không có	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.001570)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ					- Quyết định số 1995/QĐ-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 2.000575) (*) Áp dụng đối với các trường hợp: - Trường hợp 1: hộ kinh doanh đã	- Đối với trường hợp 1: 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Đối với trường hợp 2: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.				- Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần/dăng ký. - Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đồng	- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các phụ lục ban hành kèm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; - Trường hợp 2: Các trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh						theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
7	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Mã TTHC	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				Không có	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.001266)						
8	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.014034) (*) Áp dụng đối với các trường hợp: - Trường hợp 1: Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. - Trường hợp 2: Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ	- Đối với trường hợp 1: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đối với trường hợp 2: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.				- Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (đối với trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ có trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh): 100.000 đồng/lần/dăng ký. - Mức thu lệ phí trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đồng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	kinh doanh						
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.014035)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				Không có	
10	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Mã TTHC: 2.002635)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.			5294/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. - Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo (Mã TTHC: 2.002636)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.				Không	
12	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.				Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (Mã TTHC: 2.002637)						tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002639)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Không thu lệ phí đăng ký đổi với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	
13	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002642)	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp				Không thu lệ phí đăng ký đổi với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đổi bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.					
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002649)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Không	
	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (Mã TTHC: 1.005280)						
15	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.005277)						
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004901)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	
	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã TTHC: 1.004979)						
17	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.001958)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				Không	
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005378)						
	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004982)	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.					
19	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005010) (*) <i>Áp dụng đối với trường hợp:</i> (1) <i>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước;</i> (2) <i>Trường hợp chấm dứt hoạt</i>	- Đối với trường hợp (1): + 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; + 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh; + 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài.</i>	kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Đối với trường hợp (2): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.					
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận	01 ngày làm việc.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (Mã TTHC: 2.002638)						
	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002641)						
21	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002643)	01 ngày làm việc.				Không	
22	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh,	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002648)						
23	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002123)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				Thành phố Hồ Chí Minh: 100.000 đồng/lần cấp.	
24	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm.			4532/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân	Không	- Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dân Thành phố		- Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			4716/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 898/QĐ-BXD ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
26	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.				Không	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
27	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tư tổ chức lập						điều kiện kinh doanh; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 7 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
28	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 08 ngày làm việc kể				Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tư tổ chức lập	từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.					- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Quyết định số 709/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
29	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu				Không	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 898/QĐ-BXD ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
30	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (Mã TTHC: 1.009452)	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng có văn bản trả lời. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư. - Bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được			4717/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014; - Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. - Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cảng vụ đường thủy nội địa có văn bản trả lời. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cảng vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.					
31	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh (Mã	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận				Không có	- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014; - Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. - Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	TTHC: 1.009453)	đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.					đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
32	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (mã thủ tục 1.013855)	20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	Phòng Văn hóa – Xã hội		4697/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Theo quy định hiện hành	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. - Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế; - Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; - Quyết định số 464/QĐ-SATTP ngày 10/7/2026 của Sở An toàn thực phẩm về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu Côn Đảo thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở “kinh doanh dịch vụ ăn uống” trên địa bàn Thành phố.
33	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kể	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5104/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân	Không	- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018. - Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận			dân Thành phố		tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; - Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đơn đề nghị cấp lại.					
34	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.	Phòng Văn hóa – Xã hội		5259/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; - Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; - Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo.
35	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-				Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tham mưu	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		BNNMT; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp.					

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính (<i>thứ tự A.6 Phụ lục II</i>).	Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
				chính.
2	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự C.1, Phụ lục XIV).	- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa - Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
3	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự C.2, Phụ lục XIV).	
4	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự B.4, Phụ lục XIV).	
5	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự B.5, Phụ lục XIV).	
6	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự D.11, Phụ lục XIV).	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
7	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.20, Phụ lục XIV).	
8	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.8, Phụ lục XIV).	
9	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.9, Phụ lục XIV).	
10	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.21, Phụ lục XIV)	
11	1009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.12, Phụ lục XIV)	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
12	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ các lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa; Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.I.4).	
13	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ các lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa; Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.I.1)	
14	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.21, Phụ lục XIV)	
15	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
			Sở Xây dựng (thứ tự A.5, Phụ lục XIV)	
16	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ các lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa; Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.I.15).	
17	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự D.9, Phụ lục XIV).	
18	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu		- Thông tư số 27/2026/TTBNNMT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
				nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; - Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; - Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo.
	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
20	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		

C. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quy quyết	Địa điểm thực hiện	Quyết định công bố	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy Ban	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Linh Xuân, địa chỉ: 1262 Kha	4717/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Chủ tịch	Phí Thẩm tra, thẩm định công bố mở bến thủy nội địa: 100.000 đồng/lần (bến	- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy

	phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố mở.	Vạn phường Xuân	Cân, Linh	Ủy ban nhân dân Thành phố	khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh không phải nộp phí này).	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. - Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.
--	--	---	-----------------------	--------------	---------------------------	--	---